TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-PT
Ngày: 05-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;

Ông Võ Văn Ngầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm 1968 và anh Võ Thành L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 62/19 A, ấp LM, xã LT, huyện H (nay là khu phố LM, phường L T, thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 391/16D, đường H, Khu phố 1, Phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Theo văn bản ủy quyền ngày 12-8-2019; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Triệu Thị X, sinh năm 1956; trú tại: Số 41/4, ấp LM, xã LT, huyện H (nay là khu phố LM, phường LT, thị xã H), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Triệu Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-8-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà Th, anh L có cho bà X vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 28-11-2018 bà Th, anh L có cho bà X vay số tiền 585.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian trả 01 tháng, mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, giấy mượn tiền do bà X viết và ký tên. Bà X có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 186261, thửa đất số 202, tờ bản đồ 2, diện tích 314,2 m^2 và 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 hộ khẩu bản chính cho bà Th, anh L. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay bà X chưa trả tiền lãi cho bà Th. Ngày 19-6-2019, anh Nguyễn Minh T con bà X có trả tiền vốn được 220.000.000 đồng, còn lại tiền vốn là 365.000.000 đồng.

Nay bà Th, anh L yêu cầu bà X trả số tiền vốn vay còn nợ là 365.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định đến nay, cụ thể:

Tiền lãi của số tiền 585.000.0000 đồng x 1,66%/tháng từ ngày 28-11-2018 đến ngày 19-6-2019.

Tiền lãi của khoản tiền vốn còn nợ 365.000.000 đồng x 1,66%/tháng từ ngày 20-6-2019 đến ngày 04-11-2019.

Bà Th, anh L đồng ý trả lại cho bà X 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính, 01 sổ hộ khẩu của bà X. Riêng 01 giấy chứng minh nhân dân bản chính bà Th đã trả cho bà X.

Bị đơn - bà Triệu Thị X trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông V. Ngày 28-11-2018 bà Th anh L có cho bà vay số tiền 585.000.000 đồng, giấy vay tiền do bà viết và ký tên, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian trả 01 tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu bản chính.

Tuy bà có ký giấy vay tiền như nội dung đã nêu nhưng thực chất bà chỉ nhận số tiền vốn vay là 535.000.000 đồng, hẹn 03 ngày sau đáo hạn Ngân hàng sẽ thanh toán lại cho bà Th và lãi suất thỏa thuận. Bà vay số tiền này là vì phải đóng tiền cho Ngân hàng đúng số tiền 535.000.000 đồng, đúng với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Sau khi trả tiền Ngân hàng xong thì chồng bà là ông Nguyễn Văn M chết nên Ngân hàng không cho vay nữa, vì bà lớn tuổi. Vì vậy bà Th yêu cầu bà viết lại giấy nợ khác, trong lúc hoàn cảnh đang rối bà Th đọc nội dung cho bà viết giấy nợ nên mới có nội dung như giấy nợ bà Th cung cấp cho tòa để khởi kiện.

Sau khi các con bà xem lại giấy nợ, biết là viết sai, vì không có nhận số tiền 585.000.000 đồng nên bà và con bà là anh T đã đến gặp bà Th viết lại giấy mượn tiền khác, với số tiền là 535.000.000 đồng, nay yêu cầu bà Th anh L cung cấp giấy mượn tiền 535.000.000 đồng do bà và anh T ký nhận và đồng ý trả tiền nợ theo

giấy mượn tiền này. Bà không đồng ý giấy mượn tiền 585.000.000 đồng như bà Th anh L khởi kiện.

Nay bà thống nhất trả cho bà Th anh L số tiền vốn vay còn nợ là 315.000.000 đồng và yêu cầu bà Th, anh L trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu bà Th đang giữ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L đối với bà Triệu Thị X.

Buộc bà Triệu Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L số tiền là 457.127.000 (bốn trăm năm mươi bảy triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng; trong đó tiền vốn vay là 365.000.000 đồng, tiền lãi là 92.127.000 đồng.

Bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L trả cho bà Triệu Thị X 01 chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của bà X theo giấy số CR 186261, thửa đất số 202, tờ bản đồ 2, diện tích 314, 2 m^2 và 01 sổ hộ khẩu.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 bà Triệu Thị X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng bà chỉ nợ bà Th số tiền 535.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Triệu Thị X. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Triệu Thị X:

[1] Ngày 28-11-2018 bà Th, anh L có cho bà X vay số tiền 585.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian trả 01 tháng, mục đích vay tiền để

đáo hạn ngân hàng, giấy mượn tiền do bà X tự viết và ký tên, bà X thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 186261 và 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu bản chính cho bà Th, anh L.

Bà X thừa nhận có ký giấy mượn tiền ngày 28-11-2018 với số tiền vay là 585.000.000 đồng như bà Th cung cấp. Bà X cho rằng giấy này đã bị hủy bỏ thay thế vào giấy mượn tiền có bà X và anh T ký tên vay số tiền 535.000.000 đồng, không phải số tiền 585.000.000 đồng. Bà X cung cấp tờ cam kết đề ngày 25-02-2019 thể hiện bà và con bà là anh Nguyễn Minh T cam kết trả nợ cho bà Th số tiền 535.000.000 đồng nhưng không có chữ ký của bà Th và không được bà Th thừa nhận.

Ngoài ra, ngày 19-6-2019, anh T con bà X có trả tiền vốn được 220.000.000 đồng, còn lại tiền vốn là 365.000.000 đồng; tuy nhiên khi trả số tiền này, các bên cũng không thể hiện còn thiếu số tiền gốc là bao nhiêu.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà X trả cho bà Th, anh L số tiền vốn vay là 365.000.000 đồng tiền lãi là 92.127.000 đồng là có căn cứ. Bà X kháng cáo cũng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà X là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại Điều 12, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Triệu Thị X; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L đối với bà Triệu Thị X.

Buộc bà Triệu Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L số tiền là 457.127.000 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng; trong đó tiền vốn vay là 365.000.000 đồng, tiền lãi là 92.127.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L trả cho bà Triệu Thị X 01 chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của bà X theo giấy số CR 186261, thửa đất số 202, tờ bản đồ 2, diện tích 314, 2 m^2 và 01 sổ hộ khẩu.

2. Về án phí:

Bà Triệu Thị X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho Bà Lê Kim Th, anh Võ Thành L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.125.000 đồng (chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013793 ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã H;
- CC THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Be